

TP. Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/6/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Văn bản số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 11365/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 thành phố Thái Nguyên.

Hôm nay, hồi 9h00 ngày 15/01/2020, tại Văn phòng HĐND và UBND thành phố Thái Nguyên tiến hành niêm yết công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020, như sau:

1. Thành phần:

- Bà Lưu Thị Thúy Hương - Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố;
- Ông Mai Xuân Tùng - Phó Chánh văn phòng HĐND & UBND thành phố;
- Bà Hoàng Thị Hạnh - Văn thư

2. Nội dung

2.1. Nội dung: Niêm yết công khai số liệu dự toán NSNN năm 2020.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

2.2. Hình thức công khai:

- Cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Thái Nguyên;
- Niêm yết tại bộ phận một cửa Văn phòng HĐND&UBND thành phố.

2.3. Thời gian: Thời gian bắt đầu niêm yết đến khi kết thúc là 30 ngày, từ ngày 15/01/2020 đến ngày 14/02/2020. Kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

2.4. Thu nhận thông tin phản hồi: Từ khi bắt đầu niêm yết đến khi kết thúc công khai.

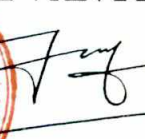
Niêm yết số liệu dự toán NSNN năm 2020 kết thúc hồi 9h10 phút ngày 15/01/2020. Đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lưu Thị Thúy Hương

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Mai Xuân Tùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	2.352.914
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo tỷ lệ điều tiết	2.040.450
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	152.481
-	Bổ sung cân đối	93.925
-	Bổ sung có mục tiêu	58.556
III	Thu kết dư	0
IV	Thu chuyển nguồn tự đảm bảo CCTL	141.783
V	NS tỉnh cấp trả phí BVMT đối với khai thác KS	18.200
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.352.914
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	2.352.914
1	Chi đầu tư phát triển	1.139.007
2	Chi thường xuyên	1.065.314
3	Dự phòng ngân sách	33.800
4	Nguồn tự đảm bảo CCTL	114.793
II	Chi các chương trình mục tiêu	0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	2.303.352
1	Thu Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	2.150.871
2	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp tỉnh	152.481
-	<i>Bổ sung cân đối</i>	93.925
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	58.556
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	
II	Chi ngân sách	2.303.352
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện	2.158.614
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn	144.738
-	<i>Bổ sung cân đối</i>	144.738
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN	
I	Nguồn thu ngân sách	194.300,275
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	48.683,200
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	144.738,275
-	<i>Bổ sung cân đối</i>	144.738,275
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	
3	Thu kết dư	
4	Nguồn CCTL	878,8
II	Chi ngân sách	194.300,275

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG SỐ THU NSNN	2.137.700	1.959.655
I	Thu nội địa	2.137.700	1.959.655
1	Thuế xây dựng ngoại tỉnh	5.000	-
2	Thuế ngoài quốc doanh	445.000	387.038
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	11.800	-
4	Lệ phí trước bạ	242.100	224.483
5	Thu tiền cho thuê đất	84.000	84.000
	<i>Trong đó: Ghi thu tiền thuế đất</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>
6	Thuế thu nhập cá nhân	100.000	21.947
7	Thu phí, lệ phí	21.000	14.943
8	Thu khác ngân sách	66.200	64.644
	<i>Trong đó: Phạt an toàn giao thông</i>	<i>40.000</i>	<i>40.000</i>
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.100	1.100
10	Thu tiền sử dụng đất	1.161.500	1.161.500
II	Thu viện trợ	0	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

Biểu số 84/CK-NSNN

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI
NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.352.914	2.158.614	194.300
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.352.914	2.158.614	194.300
I	Chi đầu tư phát triển	1.139.007	1.139.007	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	947.507	947.507	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	934.850	934.850	
-	Chi đầu tư BTGPMB	12.657	12.657	
2	Ghi chi từ các dự án xây dựng KDC	161.500	161.500	
3	Ghi chi tiền thuê đất	30.000	30.000	
II	Chi thường xuyên	1.065.314	871.014	194.300
	Trong đó			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	498.382	446.095	
	Chi khoa học và công nghệ			
III	Dự phòng ngân sách	33.800	33.800	
IV	Nguồn tự đảm bảo CCTL	114.793	114.793	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.303.352,0
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	144.738,3
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	2.158.613,7
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	1.139.007,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	947.507,0
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi đảm bảo xã hội	
2	Ghi chi từ các dự án xây dựng KDC	161.500,0
3	Ghi chi tiền thuê đất	30.000,0
II	Chi thường xuyên	871.013,7
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	498.382,0
1.2	Chi sự nghiệp y tế	838,7
1.3	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể	86.490,5
1.4	Chi văn hóa thông tin, thể thao	13.889,3
1.6	Chi đảm bảo xã hội	47.550,2
1.7	Chi quốc phòng	6.000,0
1.8	Chi an ninh	3.500,0
1.9	Chi các hoạt động kinh tế	49.063,1

STT	Nội dung	Dự toán
1.10	Chi sự nghiệp môi trường, đô thị	125.000,0
1.11	KP thực hiện các đề án do HĐND TP quyết định	12.000,0
1.12	Chi khác ngân sách	28.300,0
III	Chi dự phòng ngân sách	33.800,0
IV	Nguồn tự đảm bảo CCTL	114.793,0
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0,0